UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ Y TẾ** Số: 855/QĐ-SYT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Ninh, ngày 04 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán/quyết toán ngân sách 6 tháng năm 2024 của Văn phòng Sở Y tế Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Căn cứ Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh Vv quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của cơ quan Văn phòng Sở Y tế (theo biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán Văn phòng và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/hiện)
- Trang web Sở Y tế (c/khai);
- Lưu: VT, KHTC5.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NINH

Trần Văn Mạnh

Biểu số 3

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**1.400**	**631**		
1	Số thu phí, lệ phí (thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế)	1.400	631	45%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.070	468,0	44%	
2.1	Chi quản lý hành chính	1.070	468		
a	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	642	280,8		
b	Kinh phí trích để lại nguồn cải cách tiền lương	428	187,2		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	330	163	49%	
3.1	Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	330	163,0		
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**36.087**	**10.858**	**30%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**8.408**	**3.535**	**42%**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.693	3.120,0	47%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.715	415	24%	
	Kinh phí cấp đầu năm 2024	*1.715*	415,0		
2	**Nghiên cứu khoa học**				
3	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**27.569,0**	**7.213,0**		
3.1	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 (Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình)	24.746,0	7.213,0		
3.2	Kinh phí sự nghiệp ngành cấp	2.743			

3.3	Kinh phíđào tạo	80,0			
4	**Chi bảo đảm xã hội**	**110**	**110**	**100%**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí tặng quà Tết Thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân)	110	110		